TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 –VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2026/DS-ST
Ngày: 08/6/2026
V/v "tr/c Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Thanh Phong
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Châu Văn Bảy
Ông Nguyễn Văn Hết
- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Toà án nhân Khu vực 9 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 05/6/2026 đến ngày 08/6/2026 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân Khu vực 9- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 02/2026/QĐST-DS ngày 26/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1984; Bà Trần Thị Thúy O, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (bà O có văn bản ủy quyền cho ông P có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH T1; Địa chỉ ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long, do Bà Trần Thị Thúy L – Giám đốc đại diện theo pháp luật của công ty. (người đại diện theo ủy quyền ông Lê Hữu T, sinh năm 1984; Địa chỉ E, khu phố B, phường A, tỉnh Vĩnh Long có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng N1 chi nhánh huyện M, do ông Hồ Mẫn X, chức vụ Phó giám đốc là đại diện theo uỷ quyền. (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (bà N có văn bản ủy quyền cho ông P có mặt)

3/ Ông Phùng Minh C, sinh năm 1984 ; Địa chỉ ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn P *đồng thời là người đại diện cho bà* Trần Thị Thúy O, Trần Thị N *trình bày:*

Trước đây công ty T1 có vay vốn Ngân hàng N1 chi nhánh huyện M để phục vụ kinh doanh, quá trình Công ty dừa vay vốn thì vợ chồng tôi là P và O có dùng tài sản là quyền sử dụng đất của mình thuộc thửa 461 tờ bản đồ số 8 và mẹ tôi là bà Trần Thị N dùng tài sản là quyền sử dụng đất của mình thuộc thửa 210 tờ bản đồ số 8 thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho giá trị khoản vay của công ty TNHH T1 với ngân hàng.

Quá trình vay vốn do Công ty T1 vi phạm hợp đồng nên ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án số 04 ngày 16/8/2024, thì vợ chồng tôi và mẹ tôi bà N thống nhất dùng tài sản thế chấp nêu trên của chúng tôi để thi hành cho nghĩa vụ tín dụng của công ty. Tuy nhiên sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, chúng tôi sợ Ngân hàng phát mãi tài sản của chúng tôi, nên ngày 30/10/2024 vợ chồng tôi và mẹ tôi bà N đã tự nguyện thỏa thuận với Ngân hàng trả thay cho Công ty dừa để giải chấp 02 thửa đất trên với số tiền 2.500.000.000 đồng (trong đó số tiền giải chấp của vợ chồng tôi là 1.500.000.000 đồng, của mẹ tôi bà N 1.000.000.000 đồng). Số tiền 1.000.000.000 đồng của mẹ tôi phía Công ty dừa đã thỏa thuận xong với mẹ tôi, nên hiện nay bà N không có yêu cầu gì trong vụ án. Đối với số tiền 1.500.000.000 đồng vợ chồng tôi bỏ ra đến nay công ty dừa vẫn chưa hoàn lại.

Nay yêu cầu Công ty T1 trả cho vợ chồng tôi số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/10/2024 đến ngày 31/5/2025, với mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi 101.382.000 đồng. Đồng thời nay tôi yêu cầu bổ sung buộc công ty TNHH T1 Dừa Đồng khởi tiếp tục trả lãi cho vợ chồng tôi từ ngày 31/5/2025 đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án cũng với mức lãi suất 10%/năm của số tiền vốn gốc nêu trên. Đối với quá trình hòa giải trước đây đại diện công ty T1 trình bày có trả cho tôi 1.100.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng, số tiền này là ông Phùng Minh C (chồng bà L) vay mượn tôi ở một giao dịch khác không liên quan đến công ty dừa.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện cho bị đơn ông Lê Hữu T trình bày: Thừa nhận Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông Nghiệp theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án số 04 ngày 16/8/2024 và ông P, bà O, bà N đã tự bỏ ra số tiền 2.500.000.000 đồng để tự trả cho Ngân hàng nhằm giải chấp tài sản mà ông P, bà O, bà N đã thế chấp (trong đó số tiền giải chấp của vợ chồng ông P là 1.500.000.000 đồng, của bà N 1.000.000.000 đồng, đối với số tiền 1.000.000.000 đồng của bà N phía Công ty dừa đã thỏa thuận xong với bà N. Tuy nhiên số tiền 1.500.000.000 đồng mà vợ chồng P trả cho Ngân hàng thực tế do trước đây ông P, bà O nhờ công ty T1 vay dùm 1,1 tỷ phía Công ty T1 đã trả chuyển giao cho ông P, bà O 1.100.000.000 đồng ngay sau khi giải ngân, hiện tại sau khi cấn trừ công ty chỉ còn nợ ông P, bà O 400.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả 400.000.000 đồng. lãi suất đồng ý trả theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Minh C trình bày: Số tiền 1,1 tỷ giao dịch giữa tôi và ông P là do ông P vay tiền của tôi là tiền giao dịch khác riêng tư giữa tôi và ông P, không phải là khoản tiền liên quan đến công ty T1 nên đề nghị Tòa án xem xét. Mặc dù tôi và L là vợ chồng nhưng công ty dừa do vợ tôi làm giám đốc hoạt động và chịu trách nhiệm theo vốn điều lệ của công Ty, nên giao dịch vay tiền giữa tôi và P không liên quan đến công ty.

Tại Công văn số 67 ngày 18/3/2026 Ngân hàng N1 chi nhánh huyện M có lời trình bày: Ngày 30/10/2024 vợ chồng ông P, bà O, bà N đã tự nguyện thỏa thuận với Ngân hàng trả thay cho công Ty dừa để giải chấp các tài sản đã thế chấp với số tiền 2.500.000.000 đồng. Nay Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án và xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:Đề nghị á/p dụng 166, 468 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc công ty dừa đồng khởi trả cho ông P, bà O số tiền vốn lãi với tổng số tiền 1.575.945.000 đồng.

Về án phí DSST: Buộc công ty dừa Đồng khởi chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng***:

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm bởi việc không trả lại tài sản của bị đơn, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp đòi tài sản. Căn cứ điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi đóng trụ sở của bị đơn thuộc xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đều thừa nhận ông P, bà O đã tự nguyện trả thay cho công ty T1 1.5 tỷ đồng tại Ngân hàng nông nghiệp khi không có yêu cầu đề nghị của công ty T1. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Phía nguyên đơn cho rằng bị đơn công ty dừa chưa hoàn lại, phía công ty T1 cho rằng trong số tiền 1.5 tỷ này trong đó phía nguyên đơn nhờ công ty T1 vay dùm 1.1 tỷ sau khi giải ngân đã chuyển đưa cho nguyên đơn, nên thực tế sau khi cấn trừ bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 400.0000.000 đồng. Đại diện công ty T1 đưa ra ý kiến nhưng không

cung cấp được tài liệu chứng minh, phía nguyên đơn cũng không thừa nhận, quá trình hòa giải đại diện bị đơn cũng cho rằng sau khi nguyên đơn trả thay cho công ty A tỷ tại Ngân hàng thì phía công ty đã chuyển trả cho nguyên đơn 1.1 tỷ, lời trình bày của bị đơn trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa có sự mâu thuẫn không đáng tin cậy, sau khi hòa giải phía bị đơn cung cấp chứng cứ 01 văn bản sao kê tại Ngân hàng mà công ty đã chuyển trả cho ông P vào năm 2022 với số tiền 499.999.999 đồng, tuy nhiên số tiền này công ty chuyển cho nguyên đơn trước khi nguyên đơn trả 1.5 tỷ cho ngân hàng, nên chứng cứ trên hoàn toàn không liên quan đến việc bị đơn chuyển trả lại cho nguyên đơn. Việc đại diện bị đơn thay đổi lời khai tại phiên tòa đối với số tiền 1,1 tỷ đồng bị đơn vay dùm nguyên đơn trước đó và yêu cầu cấn trừ nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố trong quá trình giải quyết vụ án, nên không có căn cứ xem xét. Từ những căn cứ trên yêu cầu trả lại 1.5 tỷ nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận. Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng bà N đã trả thay cho công ty dừa, các bên đã thỏa thuận xong, không ai yêu cầu giải quyết trong vụ án, nên không xem xét.

[2] Đối với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc nguyên đơn tự nguyện trả thay cho bị đơn tại ngân hàng các bên không có bàn bạc thỏa thuận là bị đơn vay mượn tiền của nguyên đơn để trả ngân hàng sau đó sẽ hoàn lại, nghĩa là các bên không có thỏa thuận lãi suất chậm trả nếu không trả lại nợ gốc đúng hạn. Tuy nhiên sau khi nguyên đơn chuyển trả cho Ngân hàng vào ngày 30/10/2024, thì nguyên đơn có ban hành 03 thông báo gửi cho bị đơn theo đường bưu điện để yêu cầu bị đơn hoàn trả nợ gốc, thông báo lần 1 vào ngày 30/10/2024, nhưng bị đơn không thực hiện, nghĩa là bị đơn đã biết được nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng đã được nguyên đơn thanh toán thay và nguyên đơn đã thực hiện thông báo cho bị đơn thời gian hợp lý để thực hiện nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn, nhưng vẫn không thực hiện, nên chấp nhận yêu cầu trả lãi mà bị đơn yêu cầu ở lần thông báo thứ 2 mà bị đơn nhận được vào ngày 28/11/2024 đến ngày 31/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp. Đối với yêu cầu bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa buộc công ty TNHH T1 tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 31/5/2025 đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm của số tiền vốn gốc 1.500.000.000 đồng đã vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, nên không xem xét giải quyết.

[3] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 166, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn P, bà Trần Thị Thúy O. Buộc Công ty TNHH T1 đồng khởi trả cho ông P, bà O số tiền 1.500.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 75.945.000 đồng. Tổng cộng 1.575.945.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông P, bà O, nếu Công ty TNHH T1 chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH T1 chịu 59.278.000 đồng. Hoàn trả cho ông Trần Văn P, bà Trần Thị Thúy O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.020.000 đồng theo biên lai thu số 0006431 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL (1b);
- VKSND KV9 (2b);
- Phòng THADS KV9(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Phong